

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nữ Ước;
2. Bà H Bliăk Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án B, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2020/TLST-DS ngày 03/7/2020 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-DS ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P (viết tắt XBank), địa chỉ: 25 Bis N, phường B, Quận Y, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Quế Sơn T - Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm kiêm trưởng phòng Giám sát nợ - Trung tâm xử lý nợ (Theo quyết định số 678A/2020/QĐ-TGD, ngày 06/4/2020);

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1991, chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng, Chi nhánh Ngân hàng XBank-PGD C, địa chỉ: Thôn 02, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *có mặt*.

2. Bị đơn: Ông Y H Mdrang, sinh năm 1976 và bà H W Bdap, sinh năm 1974, cùng địa chỉ: Buôn K, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Trần Mạnh H trình bày:**

Ngày 08/01/2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P (gọi là Ngân hàng) với vợ chồng ông Y H Mdrang và bà H W Bdap thực hiện việc ký hợp đồng tín dụng số 0036/19PGDCQ/HĐTD để cho ông Y H và bà H W vay số tiền gốc 400.000.000 đồng; lãi suất 10,7%/năm; lãi suất cho vay cố định hoặc điều chỉnh và lãi phạt được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ số 0036/19PGDCQ/HĐTD/KUNN01 ngày 08/01/2019; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay: Bổ sung vốn trồng cà phê, tiêu. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Y H và bà H W đã thế chấp tại Ngân hàng tài sản sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 6330, tờ bản đồ số 23 tại buôn K, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 028003 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/12/2014 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 6167, tờ bản đồ số 23 tại buôn K, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 028005 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/12/2014 đều đứng tên Y H Mdrang theo Hợp đồng thế chấp số 0121/18/HĐBĐ-131 ngày 02/02/2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0121/18/HĐBĐ-131/PL01 ngày 08/01/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Y H Mdrang và bà H W Bdap chưa trả khoản tiền vay nào cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông bà có trách nhiệm thanh toán nợ vay đã quá hạn nhưng ông Y H và bà H W không trả.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Y H Mdrang và bà H W Bdap phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 30/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) theo hợp đồng tín dụng tổng cộng là 478.348.399 đồng, trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng; lãi trong hạn: 21.557.113 đồng; lãi quá hạn 56.791.286 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Đối với tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Y H Mdrang và bà H W Bdap không thanh toán được nợ thì đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

*** Đối với bị đơn ông Y H Mdrang và bà H W Bdap:**

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn xác định bị đơn đang cư trú tại địa phương. Chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng ông Y H Mdrang và bà H W Bdap đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương theo biên bản xác minh ngày 13/7/2020 và biên bản làm việc ngày 20/7/2020. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho bị đơn biết để tham gia tố tụng và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng quá trình giải quyết vụ án đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ

thẩm bị đơn vẫn không có mặt để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa. Tại biên bản làm việc ngày 20/7/2020 bị đơn bà H W Bdap xác định bà và ông Y H Mdrang có vay của Ngân hàng 400.000.000 đồng tiền gốc là đúng và có thể chấp cho Ngân hàng thửa đất số 6330 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 028003 ngày 18/12/2014 và thửa đất số 6167 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 028005 ngày 18/12/2014. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và các khoản tiền lãi thì bà đồng ý nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khoản tiền nào để trả, đề nghị Ngân hàng cho thời gian bán đất để trả. Trường hợp không trả được thì đồng ý xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa lần hai bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Y H Mdrang và bà H W Bdap đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương, Tòa án đã tiến hành xác minh, cấp, tổng đạt thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không tham gia tố tụng để giải quyết việc tranh chấp, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS) để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Ngày 08/01/2019, ông Y H Mdrang và bà H W Bdap cùng ký Hợp đồng cấp tín dụng số 0036/19PGDCQ/HĐTD và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0036/19PGDCQ/HĐTD/KUNN01 vay số tiền 400.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần P, thời hạn vay 12 tháng (*từ ngày 08/01/2019 đến ngày 08/01/2020*), lãi suất 10,7%/ năm, mức phạt chậm trả lãi là 10%/ năm và được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Xét thấy bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của ông Y H tại “Hợp đồng tín dụng số 0036/19PGDCQ/HĐTD” và “Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ” số 0036/19PGDCQ/HĐTD/KUNN01” cùng đề ngày 08/01/2019. Tại Kết luận giám định số 120/PC09 ngày 18/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Y H Mdrang dưới mục “Bên được cấp tín dụng” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 và dưới mục “bên nhận nợ” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Y H Mdrang trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết ra.”*

Như vậy theo lời trình bày của bà H W và kết quả giám định xác định được ông Y H và bà H W là người đã ký vào Hợp đồng tín dụng số 0036/19PGDCQ/HĐTD và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0036/19PGDCQ/HĐTD/KUNN01 cùng đề ngày 08/01/2019 thì việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bị đơn thực

hiện vào ngày 08/01/2019 là không trái quy định của pháp luật, nên có giá trị buộc các bên phải thực hiện. Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền vay gốc và tiền lãi quá hạn là có căn cứ, cần xem xét chấp nhận. Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P. Buộc bị đơn là ông Y H Mdrang và bà H W Bdap có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Trường hợp, bị đơn trả nợ không đầy đủ hoặc không có điều kiện trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0121/18/HĐBĐ-131 ngày 02/02/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại buôn K, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và tài sản thế chấp có vị trí tại địa phương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn ông Y H Mdrang và bà H W Bdap hiện tại đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương theo biên bản xác minh ngày 13/7/2020 và biên bản làm việc ngày 20/7/2020 tại chính quyền xã B. Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn biết về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết và đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa lần hai tiếp tục vắng mặt không có lý do nhưng không có ý kiến phản hồi gì, do đó HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn ông Y H và bà H W.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông Y H Mdrang và bà H W Bdap có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 30/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) theo hợp đồng tín dụng với số tiền tổng cộng là 478.348.399 đồng, trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng; lãi trong hạn: 21.557.113 đồng; lãi quá hạn 56.791.286 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ. Đối với tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Y H Mdrang và bà H W Bdap không thanh toán được nợ thì đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng. HĐXX xét thấy quan hệ pháp luật dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 (BLDS). Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên phải được thực hiện và được pháp luật bảo vệ. Theo hợp đồng tín dụng, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và kết luận giám định số 120/KLGĐ/PC09 ngày 18/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, HĐXX xác định Y H Mdrang và

bà H W Bdap là vợ chồng có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần P theo hợp đồng tín dụng với tổng nợ gốc 400.000.000 đồng; lãi suất 10,7%/năm; lãi suất cho vay cố định hoặc điều chỉnh và lãi phạt được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ số 0036/19PGDCQ/HĐTD/KUNN01 ngày 08/01/2019, thời hạn vay 12 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn thực hiện không đúng cam kết trả nợ là vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định Điều 466 BLDS 2015 nên quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm, do đó nguyên đơn là người có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[4] Quá trình thụ lý và giải quyết, Tòa án thực hiện các biện pháp cấp, tổng đạt, thông báo và triệu tập hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng ông Y H Mdrang và bà H W Bdap đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa phương theo biên bản xác minh ngày 13/7/2020 và biên bản làm việc ngày 20/7/2020. Tại biên bản làm việc ngày 20/7/2020 bị đơn bà H W Bdap xác định bà và ông Y H Mdrang có vay của Ngân hàng 400.000.000 gốc là đúng và có thể chấp cho Ngân hàng thửa đất số 6330 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 028003 ngày 18/12/2014 và thửa đất số 6167 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 028005 ngày 18/12/2014. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và các khoản tiền lãi vì hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khoản tiền nào để trả, đề nghị Ngân hàng cho thời gian bán đất để trả. Trường hợp không trả được thì đồng ý xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tại kết luận giám định số 120/KLGD/PC09 ngày 18/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Y H Mdrang dưới mục “Bên được cấp tín dụng” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và dưới mục “bên nhận nợ” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chức ký, chữ viết đúng tên Y H Mdrang trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết ra. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Buộc ông Y H Mdrang và bà H W Bdap phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc đã vay và các khoản tiền lãi tính đến ngày 30/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) theo hợp đồng tín dụng tổng cộng là 478.348.399 đồng, trong đó nợ gốc 400.000.000 đồng; lãi trong hạn: 21.557.113 đồng; lãi quá hạn 56.791.286 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số 0036/19PGDCQ/HĐTD/KUNN01 ngày 08/01/2019.

[5] Đối với tài sản thế chấp: Khi vay ông Y H Mdrang và bà H W Bdap có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 6330, tờ bản đồ số 23 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 028003 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/12/2014 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 6167, tờ bản đồ số 23 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 028005 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/12/2014 đứng tên ông Y H Mdrang có vị trí tại buôn K, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp số 0121/18/HĐBĐ-131 ngày 02/02/2018 và hợp

đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0121/18/HĐBĐ-131/PL01 ngày 08/01/2019. HĐXX xét thấy việc thế chấp là hợp pháp, tài sản thế chấp hiện tại ở địa phương không có tranh chấp, nếu sau khi ông Y H Mdrang và bà H W Bdap trả đủ toàn bộ số tiền vay nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì theo quy định tại khoản 3 Điều 321, khoản 1 Điều 322 Bộ luật Dân sự 2015, Ngân hàng phải có trách nhiệm trả lại các bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp để đảm bảo khoản tiền vay của ông Y H và bà H W. Trường hợp ông Y H và bà H W không trả hoặc trả không đủ toàn bộ số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng và các khoản lãi suất và lãi suất phát sinh thì theo quy định tại khoản 5 Điều 323, Điều 327 Bộ luật Dân sự 2015, toàn bộ tài sản thế chấp được xử lý theo luật định để đảm bảo trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

[6] Về tiền án phí và tạm ứng án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc ông Y H và bà H W phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị có tranh chấp vượt quá (478.348.399 đồng - 400.000.000 đồng) = 23.134.000 đồng. Tuy nhiên bị đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết này miễn toàn bộ tiền án phí cho bị đơn.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần P được nhận lại 11.047.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[7] Về chi phí tố tụng khác:

- Đối với chi phí giám định: Do yêu cầu giám định của nguyên đơn và kết luận giám định là có căn cứ nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ ký là 5.040.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi theo phiếu nhận tiền ngày 24/8/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk, do đó buộc ông Y H và bà H W phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí giám định này.

- Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng tại Tòa án theo phiếu thu số 03 ngày 31/7/2020 và đã chi ngày 27/8/2020, do đó buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158; 161; 162; 203; 220; 227; 228; 266; 271; 273 và 385 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 317; 318; 319; 320; 321; 322; 323; 327; 463; 466; 468; 500; 501 và 503 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 27; 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Buộc bị đơn ông Y H Mdrang và bà H W Bdap phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) là: 478.348.399 đồng (*Bốn trăm bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm chín mươi chín đồng*); trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng; lãi trong hạn: 21.557.113 đồng; lãi quá hạn 56.791.286 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số 0036/19PGDCQ/HĐTD/KUNN01 ngày 08/01/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đối với tài sản thế chấp:

- Sau khi ông Y H Mdrang và bà H W Bdap trả đủ toàn bộ số tiền nợ vay và tiền lãi suất phát sinh thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P phải trả lại cho ông Y H Mdrang và bà H W Bdap bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 028003 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/12/2014 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 028005 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/12/2014 đứng tên ông Y H Mdrang.

- Trường hợp ông Y H Mdrang và bà H W Bdap không trả hoặc trả không đủ toàn bộ số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng và các khoản lãi suất và lãi suất phát sinh thì toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 6330, tờ bản đồ 23 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 028003 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/12/2014 và thửa đất số 6167, tờ bản đồ 23 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 028005 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/12/2014 đứng tên ông Y H Mdrang được xử lý theo quy định của pháp luật để đảm bảo trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí:

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Y H Mdrang và bà H W Bdap.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần P được nhận lại 11.047.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0010916 ngày 03/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Y H Mdrang và bà H W Bdap phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P 5.040.000 đồng (*Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền chi phí giám định chữ ký và 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Cường